TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/DS-ST
Ngày: 14 - 9 - 2020
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Văn Liên.
2. Bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2020/TLST- DS ngày 17 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đình N;
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, Đắk Lắk.
Người đại diện theo ủy quyền: Anh Hồ Văn V (có mặt);
Địa chỉ: 42 Tôn Đức Thắng, TT. K, huyện K, Đắk Lắk.
(Văn bản ủy quyền ngày 17/7/2020).
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1951 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện K Năng, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Đình N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Văn V trình bày:

Do quen biết, ngày 07/5/2020 anh Nguyễn Đình N có cho bà Nguyễn Thị V vay số tiền 120.000.000 đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận không tính lãi suất, bà V hẹn anh N đến ngày mùng 7 hàng tháng sẽ trả cho anh N số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), thời hạn trả trong vòng 6 tháng bà Vui sẽ trả hết số tiền trên cho anh Nguyễn Đình N. Khi vay hai bên có lập giấy vay nợ có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị V.

Khi đến hạn trả tiền hàng tháng, anh N đã gặp bà V để yêu cầu trả nợ nhưng bà bà V không chịu trả.

Nay anh Nguyễn Đình N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị V phải trả số tiền gốc 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Giữa bà và anh Nguyễn Đình N không có quen biết nhau và không có quan hệ gì.

Vào ngày 07/5/2020, bà đi đáo hạn nợ ngân hàng tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh E – Bắc Đắk Lắk cùng các con bà là anh Đỗ Văn T, anh Đỗ Văn T1 và có anh Nguyễn Đình N, khi đó trời đã tối, bà và anh T đang ở trong ngân hàng thì anh T1 có gọi điện thoại báo bà ra ngoài và nói bà ký vào tờ giấy bảo lãnh cho anh T1 thì anh N1 mới cho anh T1 vào ngân hàng để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng. Anh N có nói cho bà biết là anh T1 có nợ anh N số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), và nói một tháng thì trả 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng), trả trong vòng 6 tháng và anh N yêu cầu bà ký vào tờ giấy vay nợ, bà đồng ý ký vào.

Giấy vay nợ là do anh Nguyễn Đình N viết. Bà xác nhận chữ ký và chữ viết "Nguyễn Thị V" ở mục nhận nợ của giấy vay nợ lập ngày 07/5/2020 là chữ ký, chữ viết của bà. Việc bà ký giấy vay tiền có anh Mai Đình N và con trai bà là Đỗ Văn T1 ký làm chứng. Sau khi ký xong thì anh N có giao cho bà 01 bản.

Vào tháng 6/2020 thì anh N có cho người vào gặp bà đòi tiền thì bà có nói là không có tiền để trả và cũng không liên lạc được với anh T1. Nay anh N khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 120.000.000 đồng thì bà không đồng ý bởi vì bà tuổi đã già không có tài sản gì để trả nợ. Số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) là tiền của anh T1 nợ anh N. Vì vậy bà yêu cầu anh N tìm anh T1 để đòi nợ, chứ bà không vay tiền và nhận tiền từ anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Anh Nguyễn Đình N cho rằng bà Nguyễn Thị V vay tiền nhưng không trả nợ đúng hạn, nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa anh N với bà V là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

- Xét ý kiến của bị đơn:

Bà Nguyễn Thị V thừa nhận đã ký nhận vay của anh Nguyễn Đình N số tiền 120.000.000đ, nhưng bà cho rằng bà không phải là người vay tiền anh N, mà khoản nợ này là do con bà vay, nhưng anh N yêu cầu bà ký nhận. Bà không chấp nhận trả nợ mà yêu cầu anh N buộc con trai bà là Đỗ Văn T1 có trách nhiệm trả nợ, HĐXX xét thấy: Bà V là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, đã trực tiếp ký giấy vay tiền của anh N và còn được anh N giao một bản. Việc bà V vay tiền của anh N có người làm chứng là anh

Mai Văn N xác nhận. Vì vậy, HĐXX xác định: Ý kiến của bị đơn là không có căn cứ, việc ông N khởi kiện đối với bà V hoàn toàn có cơ sở.

- Do ý kiến của bị đơn là không có căn cứ, nên HĐXX xác định bà V đã vay của anh N số tiền là 120.000.000đ. Theo giấy vay tiền lập ngày 07/5/2020 thì bà V phải trả số nợ này cho anh N theo kỳ, mỗi kỳ 01 tháng và trả vào ngày 07 hàng tháng. Tuy nhiên cho đến hiện nay bà V vẫn chưa trả được khoản nào cho anh N. Như vậy, bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo kỳ cho anh N, theo quy định tại Điều 282 BLDS thì việc chậm thực hiện nghĩa vụ theo kỳ bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy việc anh N khởi kiện yêu cầu bà V phải trả toàn bộ số nợ là hoàn toàn có căn cứ.

- Về lãi suất kể từ thời điểm vay cho đến thời điểm xét xử: Do nguyên đơn không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đình N, buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho anh N số tiền nợ gốc là 120.000.000đ.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Bà Nguyễn Thị V là người có lỗi và phải thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu án phí dân sự. Tuy nhiên, bà V đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình N được chấp nhận, nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình N.

- Buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho anh Nguyễn Đình N 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với khoản tiền phải thi hành khi người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V được miễn toàn bộ án phí dân sự.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Đình N 3.000.000đ (Ba triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2019/0009256 ngày 14/7/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN